

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Số:03/2024/NQ-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Điện nhệ Viễn Thông;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị;
- Căn cứ biên bản họp Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Điện nhệ Viễn Thông số:03/2024/BB-HĐQT ngày 12/08/2024

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: HĐQT Công ty Cổ phần Điện nhệ Viễn Thông quyết định thông qua việc thành lập thêm một Công ty con mới như sau:

1/ Thông tin Công ty:

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Công nghệ Lamarr
2. Địa chỉ trụ sở chính công ty: 142 phố Định Công, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội
3. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng tương ứng với 500.000 cp
4. SĐT để trên ĐKKD: 0917869559
5. CCCD/Hộ chiếu của thành viên góp vốn:

Cổ đông góp vốn bao gồm:

- + Công ty CP điện nhệ viễn thông chiếm tỷ lệ 51% vốn điều lệ tương ứng với 255.000cp
- + Ngô Trọng Vinh chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ tương ứng với 60.000cp
- + Trần Ngọc Linh chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ tương ứng với 60.000cp
- + Vương Thị Thanh Huyền chiếm tỷ lệ 25% vốn điều lệ tương ứng với 125.000cp

6. Thông tin người đại diện, chức danh: Vương Thị Thanh Huyền/Tổng Giám đốc

2/ Ngành nghề hoạt động chính và một số ngành nghề đăng ký khác:

***) Ngành kinh doanh chính:**

Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính

Chi tiết:

- Xuất bản phần mềm.
- Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường về công nghệ thông tin.

- Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin.
- Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật;
- Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử;
- Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin;
- Cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu;
- Phân phối sản phẩm công nghệ thông tin.

(Điều 52 Luật Công nghệ thông tin năm 2006)

- Dịch vụ quản trị, bảo hành, bảo trì hoạt động của phần mềm và hệ thống thông tin;
- Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm định chất lượng phần mềm;
- Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm;
- Dịch vụ tư vấn định giá phần mềm;
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm;
- Dịch vụ tích hợp hệ thống;
- Dịch vụ bảo đảm an toàn, an ninh cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin;
- Dịch vụ phân phối, cung ứng sản phẩm phần mềm.
- Các dịch vụ phần mềm khác

(Điều 9 Nghị định 71/2007/NĐ-CP)

- Dịch vụ phân phối, phát hành sản phẩm nội dung thông tin số;
- Dịch vụ nhập, cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ và xử lý dữ liệu số;
- Dịch vụ quản trị, duy trì, bảo dưỡng, bảo hành các sản phẩm nội dung thông tin số;
- Dịch vụ chỉnh sửa, bổ sung tính năng, bản địa hóa các sản phẩm nội dung thông tin số.
- Các dịch vụ phần mềm khác

(Điều 10 Nghị định 71/2007/NĐ-CP)

***) Danh sách ngành đăng ký kinh doanh**

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)
1.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395	

2.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592	
3.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630	
4.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731	
5.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732	
6.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311	
7.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312	
8.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313	
9.	Sửa chữa thiết bị điện	3314	
10.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315	
11.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320	
12.	Xây dựng nhà để ở	4101	
13.	Xây dựng nhà không để ở	4102	
14.	Xây dựng công trình điện	4221	
15.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222	
16.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223	
17.	Xây dựng công trình công ích khác	4229	
18.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	
19.	Phá dỡ (Trừ hoạt động dò mìn và các loại tương tự bao gồm cả việc cho nổ tại mặt bằng xây dựng)	4311	
20.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động dò mìn và các loại tương tự bao gồm cả việc cho nổ tại mặt bằng xây dựng)	4312	
21.	Lắp đặt hệ thống điện	4321	
22.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322	
23.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329	
24.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330	
25.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610	
26.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa); và động vật sống	4620	
27.	Bán buôn thực phẩm	4632	
28.	Bán buôn đồ uống	4633	

10
CÔ
CÔ
ĐI
VI
Đ

29.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641	
30.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649	
31.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651	
32.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652	
33.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659	
34.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662	
35.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663	
36.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669	
37.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711	
38.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722	
39.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723	
40.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741	
41.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752	
42.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759	
43.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761	
44.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771	
45.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772	
46.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4773	
47.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe	4933	

	ô tô (Điều 9 nghị định 10/2020/NĐ-CP)		
48.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210	
49.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510	
50.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610	
51.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621	
52.	Xuất bản phần mềm (Trừ xuất bản phẩm)	5820	
53.	Hoạt động viễn thông khác	6190	
54.	Lập trình máy vi tính	6201	
55.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202	
56.	<p>Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường về công nghệ thông tin. - Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin. - Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật; - Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử; - Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin; - Cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu; - Phân phối sản phẩm công nghệ thông tin. <p>(Điều 52 Luật Công nghệ thông tin năm 2006)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ quản trị, bảo hành, bảo trì hoạt động của phần mềm và hệ thống thông tin; - Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm định chất lượng phần mềm; - Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm; - Dịch vụ tư vấn định giá phần mềm; - Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm; - Dịch vụ tích hợp hệ thống; - Dịch vụ bảo đảm an toàn, an ninh cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin; - Dịch vụ phân phối, cung ứng sản phẩm phần 	6209	X

	<p>mềm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các dịch vụ phần mềm khác (Điều 9 Nghị định 71/2007/NĐ-CP) - Dịch vụ phân phối, phát hành sản phẩm nội dung thông tin số; - Dịch vụ nhập, cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ và xử lý dữ liệu số; - Dịch vụ quản trị, duy trì, bảo dưỡng, bảo hành các sản phẩm nội dung thông tin số; - Dịch vụ chỉnh sửa, bổ sung tính năng, bản địa hóa các sản phẩm nội dung thông tin số. - Các dịch vụ phần mềm khác (Điều 10 Nghị định 71/2007/NĐ-CP) 		
57.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311	
58.	Công thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312	
59.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Trừ Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)	6399	
60.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619	
61.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020	
62.	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát xây dựng; - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; - Kiểm định xây dựng; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng (Điều 83 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Dịch vụ tư vấn đấu thầu (Điều 4 – Luật Đấu thầu năm 2013); - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy; tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy; <p>(Khoản 14-Điều 1- Nghị định 50/2024/NĐ-CP)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, quan trắc công trình xây dựng (Điều 5 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP) 	7110	

	- Tư vấn lập quy hoạch xây dựng (Điều 18 Luật Xây dựng năm 2014)		
63.	Quảng cáo	7310	
64.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320	
65.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410	
66.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420	
67.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490	
68.	Cho thuê xe có động cơ	7710	
69.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730	
70.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129	
71.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130	
72.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211	
73.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219	
74.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230	
75.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299	
76.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559	
77.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560	
78.	Hoạt động thư viện và lưu trữ Chi tiết: - Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng (Điều 16, điều 18 – Luật thư viện năm 2019) - Hoạt động dịch vụ lưu trữ (Điều 36 – Luật lưu trữ năm 2011)	9101	
79.	Hoạt động bảo tồn, bảo tàng Chi tiết: Bảo tàng ngoài công lập (Mục 3 – Luật di sản văn hóa năm 2013)	9102	
80.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511	
81.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512	

43-C
E
NG
IP.HA

82.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521	
83.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522	
84.	Trồng lúa	0111	
85.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112	
86.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113	
87.	Trồng cây mía	0114	
88.	Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào	0115	
89.	Trồng cây lấy sợi	0116	
90.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117	
91.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118	
92.	Trồng cây hàng năm khác	0119	
93.	Trồng cây ăn quả	0121	
94.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122	
95.	Trồng cây điều	0123	
96.	Trồng cây hồ tiêu	0124	
97.	Trồng cây cao su	0125	
98.	Trồng cây cà phê	0126	
99.	Trồng cây chè	0127	
100.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128	
101.	Trồng cây lâu năm khác	0129	
102.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131	
103.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132	
104.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141	
105.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142	
106.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144	
107.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145	
108.	Chăn nuôi gia cầm	0146	
109.	Chăn nuôi khác	0149	
110.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150	
111.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161	
112.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162	

113	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163	
114	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164	
115	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170	
116	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210	
117	Khai thác gỗ	0220	
118	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231	
119	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232	
120	Chế biến và bảo quản rau quả	1030	
121	Xay xát và sản xuất bột thô	1061	

Điều 2: Giao Tổng giám đốc Công ty thực hiện ký kết các thủ tục thành lập Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Quyết nghị này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan có trách nhiệm thực hiện quyết định này

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu HĐQT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Ngô Trọng Vinh

C.P. ION